

Số: 39/2019/QĐST-HNGĐ

Đ R, ngày 27 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LÝ HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Kiều Thị L**; Sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn T T, xã Đ K, huyện Đ R, tỉnh L Đ

*** Bị đơn:** Ông **Mai Văn Tuyển**; Sinh năm: 1982

Trú tại: Thôn T T, xã Đ K, huyện Đ R tỉnh L Đ

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam;

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Văn Trường; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ R, tỉnh L Đ.

2. Bà Nguyễn Thị P; Sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn T T, xã Đ K, huyện Đ R, tỉnh L Đ

3. Bà: Phạm Thị K ; Sinh năm: 1955

Địa chỉ: Thôn , xã M L, N B, L H, tỉnh L Đ

4. Ông: Mai Văn T; Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn , xã M L, N B, L H, tỉnh L Đ

5. Bà: Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn T T, xã Đ K, huyện Đ R, tỉnh L Đ

6. Bà: Nguyễn Thị Thủy T; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn T T, xã Đ K, huyện Đ R, tỉnh L Đ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều

463 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Kiều Thị L và ông Mai Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà Kiều Thị L có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Thiên H; Sinh ngày 30/05/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Mai Văn T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là các cháu Mai Thị Kiều T; Sinh ngày 13/01/2009 và cháu Mai Đức H; Sinh ngày 05/8/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông T, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về tài sản chung: Ông bà tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung:

Bà Kiều Thị L có trách nhiệm trả các khoản nợ chung sau:

+ , Trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ R số tiền nợ gốc là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

+ , Trả bà Nguyễn Thị Thủy T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

+ , Trả bà Nguyễn Thị N số tiền 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng);

+ , Trả bà Nguyễn Thị P số tiền 29.760.000đ (Hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng);

Ông Mai Văn T có trách nhiệm trả các khoản nợ chung sau:

+ , Trả bà Phạm Thị L số tiền 60.300.000đ (Sáu mươi triệu ba trăm ngàn

đồng)

+ , Trả ông Mai Văn T số tiền 12.900.000đ (Mười hai triệu chín trăm ngàn đồng);

+ , Trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ R số tiền nợ gốc là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

2.4. Về án phí: Bà Kiều Thị L phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.919.000đ (Hai triệu chín trăm mười chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ chung. Tổng cộng bà L phải nộp 3.069.000đ (Ba triệu không trăm sáu mươi chín ngàn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003849 ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh L Đ. Bà Kiều Thị L phải nộp thêm 2.769.000đ (Hai triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn đồng) tiền án phí.

Ông Mai Văn T phải nộp 2.480.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ chung.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 744.000đ (Bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003877 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh L Đ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 900.000đ (Chín trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003882 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh L Đ.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền 1.507.000đ (Một triệu năm trăm linh bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003879 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh L Đ.

Hoàn trả cho ông Mai Văn T số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003878 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh L Đ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thủy T số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003887 ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh L Đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L Đ;
- VKSND H. Đ R;
- CC THADS H. Đ R;
- UBND xã Đ K, H. Đ R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Rung K' Nhon